

Số: 1733 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và Văn bản số 09/CVMT-WG ngày 16 tháng 06 năm 2023 về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số VBGT01-23/WVN ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Công ty TNHH Winga Việt Nam về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy may mặc Winga Việt Nam tại lô A4.1-12, đường N3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5602/TTr-STNMT ngày 08 tháng 8 năm 2023,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Winga Việt Nam địa chỉ tại Khu công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy may mặc Winga Việt Nam tại lô A4.1-12, đường N3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy may mặc Winga Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại lô A4.1-12, đường N3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

1.3 Giấy chứng nhận đầu tư số 7633405803 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 25/12/2015, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 23/8/2018; Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp 3901216987, ngày 31/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/06/2022.

1.4. Mã số thuế: 3901216987.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: may trang phục.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự án: 118.723,80 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất: may trang phục quy mô 43.200.000 sản phẩm/năm.

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH Winga (Việt Nam) được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Winga (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Winga (Việt Nam) hoặc tại trụ sở UBND phường An Hòa; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nâng công suất Nhà máy may mặc Winga Việt Nam từ 10.000.000 sản phẩm/năm lên 43.200.000 sản phẩm/năm tại số 693/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQLKKT;
- UBND thị xã Trảng Bàng;
- Cty CP KCN Thành Thành Công;
- Đăng tải trang thông tin điện tử;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT – UBND ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau hệ thống xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công, không xả ra môi trường).

- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công theo các Văn bản đã ký giữa Chủ dự án đầu tư và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp bao gồm: Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 08/2015/HĐTLĐ – TTCIZ ngày 31/12/2015; Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 19B/2017/HĐDV-TTCIZ ngày 03/04/2017; Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 1809/2017/HĐDV-TTCIZ ngày 18/09/2017; Văn bản số 174/2019 CV-DA ngày 26/12/2019; Thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật số 41/2016/BB-DA ngày 29/08/2016.

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng 96,8 m<sup>3</sup>/ngày;

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt, tắm giặt của chuyên gia, lưu lượng 1,1 m<sup>3</sup>/ngày;

- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động nấu ăn tập trung cho công nhân viên, lưu lượng 24,4 m<sup>3</sup>/ngày;

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ công đoạn giặt mẫu, lưu lượng 1,6 m<sup>3</sup>/ngày;

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động thử nghiệm (kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm) tại phòng thí nghiệm, lưu lượng 0,05 m<sup>3</sup>/ngày.

**2. Dòng nước thải**

2.1. Dòng nước thải bao gồm các nguồn số: 01, 02, 03, 04, 05 được thu gom về các công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất tại Dự án để xử lý đạt yêu cầu đầu nối nước thải của Khu công nghiệp Thành Thành Công (Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Thành Thành Công đính kèm tại Hợp đồng dịch vụ thoát nước thải) sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung thuộc Phân khu đa ngành để tiếp tục xử lý.

## 2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau công trình xử lý sơ bộ chảy vào hố ga thoát nước kí hiệu N3.L-MH.27 nằm trên đường N3 sau đó chảy vào hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu công nghiệp Thành Thành Công.

## 2.3. Vị trí xả nước thải:

- Toàn bộ nước thải của Dự án sau khi xử lý sơ bộ chảy vào hố ga thoát nước thải thoát nước kí hiệu N3.L-MH.27 nằm trên đường N3 sau đó chảy vào hệ thống thu gom và thoát nước thải nước thải của Khu công nghiệp Thành Thành Công.

- Tọa độ: X= 588767; Y=1218700 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 123,95 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.5. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.6. Chế độ xả nước thải: liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.

2.7. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp phải đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Thành Thành Công theo Hợp đồng xử lý nước thải và Thỏa thuận đầu nối giữa Công ty và đơn vị kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP
2	Độ màu	mg/l	300		
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	250		
4	COD	mg/l	300		
5	Amoni (tính theo Nito)	mg/l	20		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200		
7	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	2.000		
8	Sunfua	mg/l	8		
9	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (Tính theo N)	mg/l	50		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	40		
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	20		

*Handwritten signature*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
12	Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ ) (tính theo P)	mg/l	20		
13	Clo dư	mg/l	4,0		
14	Nitrat	mg/l	50		
15	Tổng Coliform	MNP/100 ml	10.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân viên, chuyên gia người nước ngoài, lưu lượng lớn nhất là  $97,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$  được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, có 13 bể tự hoại (bao gồm: 04 bể có thể tích  $05 \text{ m}^3/\text{bể}$ ; 03 bể có thể tích  $6 \text{ m}^3/\text{bể}$ ; 03 bể có thể tích  $9 \text{ m}^3/\text{bể}$ ; 01 bể có thể tích  $10 \text{ m}^3/\text{bể}$ ; 01 bể có thể tích  $35 \text{ m}^3/\text{bể}$  và 01 bể có thể tích  $45 \text{ m}^3/\text{bể}$ ) sau đó xả ra hệ thống thu gom và thoát nước thải với Khu công nghiệp Thành Thành Công.

- Nước thải nấu ăn tập trung cho toàn bộ công nhân viên phát sinh từ khu vực nhà ăn với lưu lượng lớn nhất là  $24,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$  được thu gom về bể tách mỡ có thể tích  $60 \text{ m}^3$  để tách dầu mỡ sau đó xả ra hệ thống thu gom và thoát nước thải với Khu công nghiệp Thành Thành Công.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn giặt mẫu và hoạt động thí nghiệm, lưu lượng lớn nhất là  $1,65 \text{ m}^3/\text{ngày}$  được thu gom bồn chứa nước thải bằng vật liệu inox (để trung hòa pH) sau đó xả ra hệ thống thu gom và thoát nước thải với Khu công nghiệp Thành Thành Công

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên và chuyên gia → Bể tự hoại → hệ thống thu gom và thoát nước thải với Khu công nghiệp Thành Thành Công

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải nấu ăn: Nước thải → Bể tách dầu mỡ → hệ thống thu gom và thoát nước thải với Khu công nghiệp Thành Thành Công

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất → bồn chứa nước thải kết cấu bằng vật liệu inox (dung dịch trung hòa là  $\text{H}_2\text{SO}_4$ ) → hệ thống thu gom và thoát nước thải với Khu công nghiệp Thành Thành Công.

*las*

1.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2. Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đường ống cấp, thoát nước có đường cách ly an toàn;
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất;
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước;
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

*Clat*

## Phụ lục 2

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT – UBND  
ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

#### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, công suất 1.250 KVA (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện).
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn trải vải, cắt vải, may và vắt sỏ.

#### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

##### 2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: tại ống thải của nguồn số 01. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X= 588 866; Y= 1218 663.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ )

- Đối với bụi phát sinh từ nguồn số 02:

+ Tại công đoạn trải vải, cắt vải: sử dụng 8 máy trải, 12 máy cắt vải, lập trình tự động được trang bị bộ phận thu bụi tích hợp với máy. Bụi được thu gom về túi vải chứa bụi, không khí sạch thoát ra ngoài môi trường.

+ Tại công đoạn may, vắt sỏ: trên 362 máy may và 461 máy vắt sỏ đều được lắp đặt kèm theo 01 thiết bị thu bụi túi vải. Bụi được thu gom về túi vải chứa bụi, không khí sạch thoát ra ngoài môi trường.

- Vị trí xả bụi, khí thải nằm trong khuôn viên của Dự án tại lô A4.1-12, đường N3, KCN Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

##### 2.2 Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất  $4.192,5 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

##### 2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: khí thải được xả thải liên tục qua ống thải khi vận hành máy phát điện.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số  $K_p = 1$  và  $K_v = 1$ , cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 01: đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số  $K_p = 1$  và  $K_v = 1$ .



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	$P \leq 20.000$	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại điểm c Khoản 1, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200		
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: lắp đặt ống thải cho máy phát điện dự phòng có công suất 1.250 KVA (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, hoạt động khi có sự cố mất điện). ống thải cao 4,0 mét, đường kính Ø500, vật liệu sắt tráng kẽm.

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn trải vải, cắt vải, may và vắt sô.

+ Công đoạn trải, cắt vải: Hệ thống đường ống thu bụi được trang bị và bố trí phía dưới mặt phẳng của máy cắt. Hệ thống thu bụi hoạt động nhờ khí nén được cấp từ máy nén khí, nhờ lực hút mạnh của dòng khí nén bụi vải tại máy cắt được hút vào đường ống thu bụi dẫn về túi vải chứa bụi.

+ Công đoạn may: Hệ thống đường ống thu bụi được lắp trên mỗi máy may và máy vắt sô. Hệ thống thu bụi hoạt động nhờ khí nén được cấp từ máy nén khí, nhờ lực hút mạnh của dòng khí nén bụi vải tại máy may, máy vắt sô được hút vào đường ống thu bụi dẫn về túi vải chứa bụi riêng biệt của từng máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dự án sử dụng máy móc, thiết bị sản xuất hiện đại, có trang bị tích hợp đường ống thu gom và thiết bị thu gom bụi phát sinh từ quá trình sản xuất. Bụi chứa trong các thiết bị thu gom bụi sẽ được công nhân thu gom định kỳ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn
- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì Công ty sẽ ngừng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh khí thải, bụi để sửa chữa, khắc phục đến khi sự cố được khắc phục và sửa chữa xong sẽ tiếp tục vận hành phục vụ sản xuất.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

- Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT - UBND  
ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Phát sinh từ động của các máy móc tại khu vực ép nhân;
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của các máy móc tại khu vực cắt vải;
- Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động của các máy móc tại khu vực may;
- Nguồn số 04: Máy nén khí (cấp khí nén cho hệ thống thu gom bụi từ công đoạn trải vải, cắt vải, may và vắt sổ)

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Vị trí số 1 (tương ứng nguồn số 01): X = 588 953; Y = 1218 811;
- Vị trí số 2 (tương ứng nguồn số 02): X = 589 015 ; Y = 1218 780;
- Vị trí số 3 (tương ứng nguồn số 03): X = 588 974; Y = 1218 716;
- Vị trí số 4 (tương ứng nguồn số 04): X = 588 910; Y = 1218 770.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', mũi chiều 3°)

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	1 năm/lần	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	1 năm/lần	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

## 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.

+ Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.

+ Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

+ Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt,...

+ Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.

+ Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

## 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.



**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../2023.../GPMT – UBND*  
*ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	145	Rắn
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	100	Rắn
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	70	Lỏng
4	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	70	Lỏng
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 13	20	Rắn
6	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	10	Rắn/lỏng
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (KS)	18 01 01	150	Rắn
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (KS)	18 01 03	20	Rắn
9	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải (KS)	18 01 02	170	Rắn
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (KS)	18 02 01	40	Rắn
11	Ắc quy chì thải	19 06 01	20	Rắn
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>815</b>	-

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

TT	Loại chất thải	Mã CT	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Chất thải từ sợi dệt chưa qua xử lý hoặc đã qua xử lý (Vải vụn, chỉ vụn)	10 02 10	245,56	Rắn
2	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	55	Rắn
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là chất thải nguy hại) thải	18 01 06	10	Rắn
4	Phế liệu thép (kim thải)	07 03 13	1,5	Rắn
<b>TỔNG CỘNG</b>		-	312,15	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1.	Rác thải sinh hoạt	293,04
<b>TỔNG CỘNG</b>		293,04

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín. khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 23,8 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: được bố trí tách riêng với các khu vực khác và xây dựng đúng theo yêu cầu kỹ thuật như mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu. bố trí gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che bằng tôn, vách tường gạch bao quanh.

2.1.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bao bì, thùng chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 61,88 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa được xây dựng tường gạch bao quanh, mái kho lợp tôn và nền kho chứa được gia cố bằng xi măng. Diện tích kho chứa đảm bảo khả năng lưu trữ tạm thời toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất. Các khu vực chứa chất thải được kẻ vạch chia ô và

gắn bảng tên.

2.2.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Các thùng có nắp đậy kín dung tích chứa từ 120-240 lít.

2.3.2. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

**1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

- Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ vào chuyên, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường. Lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

**2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất**

- Công ty đã xây dựng kho chứa hóa chất với diện tích 28,56 m<sup>2</sup>. Bên ngoài kho chứa hóa chất có lắp biển cảnh báo. Bên trong kho chứa có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy dạng bột và thùng chứa cát phòng ngừa sự cố tràn đổ hóa chất dạng lỏng.

- Tất cả hóa chất sử dụng tại nhà máy đều được lưu trữ các thông tin cơ bản và dữ liệu an toàn hóa chất.

- Kho chứa hóa chất được xây dựng kiên cố, có tường gạch bao quanh, mái lợp tôn, nền được gia cố bằng bê tông.

- Xây dựng nội quy kho hóa chất, nhân viên làm việc tại kho chứa hóa chất được đào tạo đầy đủ các chứng chỉ về an toàn hóa chất, chứng chỉ an toàn lao động, chứng chỉ PCCC.

- Tuân thủ và chấp hành theo Luật Hóa chất Việt Nam 2007 và Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất. Đồng thời, trong thời gian tới Công ty sẽ lập Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho nhà máy để trình cơ quan có chức năng xem xét.

**3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ**

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn phòng cháy và chữa cháy.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT – UBND  
ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

- Không có.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Thành Thành Công. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT – BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

- Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.



- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

+ Công khai kết quả quan trắc chất thải tự động, liên tục (bao gồm so sánh với giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đã được cấp phép) trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại công Dự án. Vị trí đặt bảng thông tin điện tử phải thuận lợi cho người dân theo dõi, giám sát. Thời điểm công khai ngay sau khi có kết quả quan trắc và công khai kết quả liên tục trong thời gian 30 ngày.

+ Công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại công Dự án. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định./.